TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH THÀNH** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2024/DS- ST
Ngày: 31/7/2024
V/v: Tranh chấp thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo hợp đồng mua bán hàng hóa.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hà

2. Bà Trương Thị Hồng Xuân

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoàn - Kiểm sát viên

Ngày 31/7/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2024/TLST- DS, ngày 04 tháng 3 năm 2024 về việc "Tranh chấp thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo hợp đồng mua bán hàng hóa", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2024/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 06 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2024/QĐST – DS ngày 15/7/2024 giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn:* Ông Trịnh Văn N, sinh năm 1961

Địa chỉ: Thôn X, xã V, huyện V, tỉnh Thanh Hóa

-*Bị đơn:* Anh Đặng Anh T, sinh năm 1990

Địa chỉ: Khu A, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

Tại phiên tòa vắng mặt ông N và anh T (Ông N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Anh T vắng mặt lần thứ 2 không có lí do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/01/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Trịnh Văn N trình bày:

Ông chuyên cung cấp thức ăn chăn nuôi, anh T là khách hàng của ông từ những năm 2018. Từ năm 2018 ông N và anh T thỏa thuận với nhau về việc ông N bán thức

ăn chăn nuôi cho anh T. Đến ngày 11/02/2019, anh T lấy hàng và chốt sổ nợ, ký sổ nợ với ông số tiền nợ là 163.620.000 đồng và cam kết sẽ thanh toán cho ông. Tuy nhiên ông đã đòi nợ nhiều lần nhưng anh T không trả đầy đủ được. Sau khi chốt công nợ, anh T có thanh toán cho ông 02 lần tiền cụ thể :

+ Lần 1: 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) vào ngày 16/04/2019 hình thức giao tiền mặt.

+ Lần 2 : Chuyển khoản vào số tài khoản cá nhân của ông số tiền 5.000.000 đồng vào ngày 25/03/2022.

Cả 2 lần chuyển tiền thì không có ký giấy tờ gì nhưng ông vẫn xác nhận anh T đã thanh toán cho ông số tiền 25.000.000 đồng.

Từ đó khi chốt nợ đến nay, ông đã nhiều lần liên lạc nhưng anh T không nghe máy và cố tình không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Đến nay ông yêu cầu Tòa án huyện T buộc anh T phải thanh toán cho ông:

+ Số tiền nợ gốc : 138.620.000 đồng ;

+ Tiền lãi do chậm trả trên số tiền nợ gốc 138.620.000 đồng theo quy định của pháp luật tính từ ngày 11/02/2019 cho đến khi anh T thanh toán hết khoản nợ.

Tiền lãi tính từ ngày 11/02/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 31/07/2024) là 65 tháng 20 ngày. Khoản này bằng 138.620.000đ x 0,833% x 65 tháng 20 ngày = 75.825.600 đồng (Bảy mươi lăm triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn sáu trăm đồng)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông N tiếp tục yêu cầu anh anh T phải trả tiền lãi do chậm trả tiền trên số tiền gốc chưa thanh toán với lãi suất theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh T không đến Tòa án làm việc và không có văn bản ghi ý kiến nộp cho Tòa án. Do đó, không có lời khai của anh T trong hồ sơ vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX) và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS.

Đề nghị HĐXX Căn cứ các Điều 280; Điều 351; Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a, khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Buộc anh Đặng Anh T phải trả cho ông Trịnh Văn N số tiền mua hàng hóa còn nợ là 138.620.000 đ (Một trăm ba mươi tám triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng) và số tiền lãi phát sinh tính từ ngày 11/02/2019 đến ngày xét xử với mức lãi suất là 0,833% mỗi tháng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, anh T phải chịu tiền lãi trên số tiền chậm trả còn nợ với mức lãi suất theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Về án phí: Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí DSST theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ông N và anh T đang tranh chấp "Thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo hợp đồng mua bán hàng hóa" do anh T vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) thì đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là anh Đặng Anh T có địa chỉ tại xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành.

[2]. Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ lần thứ hai nhưng anh T không có mặt nên Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vắng mặt anh T và đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 210 BLTTDS. Tòa án cũng đã triệu tập hợp hợp lệ anh T đến phiên hoà giải hai lần nhưng đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 BLTTDS. Tại phiên tòa, anh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do, ông N có đơn đề nghị xét xử vắng mạt. Nên căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự Toà án xét xử vắng mặt các đương sự.

[3]. Ông N và anh T đã thỏa thuận về việc mua bán thức ăn chăn nuôi từ năm 2018. Đến ngày 11/02/2019 thì ông N không cung cấp thức ăn chăn nuôi cho anh T nữa hai bên chốt lại nợ và cam kết trả nợ. Việc anh Đặng Anh T nợ tiền mua thức ăn chăn nuôi của ông Trịnh Văn N được thể hiện trong giấy chốt nợ mà ông N giao nộp cho Tòa án. Trong giấy chốt nợ ghi rõ số tiền nợ, ngày chốt nợ có chữ ký ghi rõ họ tên của anh Đặng Anh T. Như vậy hợp đồng giữa các bên đã được xác lập là hợp đồng hợp pháp.

[4]. Đối với yêu cầu trả tiền nợ gốc: Trong giấy chốt nợ ngày 11/02/2019, hai bên chốt nợ với nhau số tiền nợ là 163.620.000 đồng. Sau khi chốt nợ với nhau theo ông N trình bày thì anh T cam kết sẽ trả cho ông N tuy nhiên khi đòi nợ nhiều lần anh T chỉ trả được số tiền 25.000.000 đồng, anh T không có ý kiến về nội dung này. Do đó có đủ căn cứ xác định, anh Đặng Anh T còn nợ ông N số tiền nợ gốc là 138.620.000 đồng. Hai bên chốt nợ và cam kết trả nợ từ ngày 11/02/2019 nhưng đến nay anh T không trả được tiền nợ. Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu của ông N là phù hợp với thỏa thuận mà hai bên đã giao kết và phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu này.

[5]. Về lãi suất: Tại giấy chốt nợ ngày 11/02/2019 Hai bên không thỏa thuận về lãi suất. Tuy nhiên từ khi chốt nợ anh T cam kết trả tiền cho ông N nhưng sau khi bị đòi nợ nhiều lần anh T mới trả được số tiền 25.000.000 đồng. Còn lại số tiền 138.620.000 đồng anh T không trả được. Do đó có đủ căn cứ xác định anh T là bên có nghĩa vụ đã chậm trả tiền. Nên căn cứ vào Điều 357 Bộ luật Dân sự thì anh T phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Do đó yêu cầu về tính lãi do chậm trả tiền của ông N là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận toàn bộ. Thời điểm tính từ ngày 11/02/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 31/07/2024) là 65 tháng 20 ngày. Khoản tiền lãi này bằng 138.620.000đ x 0,833% x 65 tháng 20 ngày = 75.825.600 đồng (Bảy mươi lăm triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn sáu trăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, anh T phải tiếp tục trả tiền lãi do chậm trả tiền trên số tiền gốc chưa thanh toán với lãi suất theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự cho đến khi thanh toán xong khoản tiền gốc còn nợ.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của ông N được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên anh T phải chịu toàn bộ án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 280, Điều 351; Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a, khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

1. Buộc anh Đặng Anh T phải trả cho ông Trịnh Văn N tổng số tiền là 214.445.600đ (Hai trăm mười bốn triệu bốn trăm bốn mươi lăm nghìn sáu trăm đồng). Trong đó, tiền nợ gốc là 138.620.000đ (Một trăm ba mươi tám triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng), tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 31/7/2024) là 75.825.600đ (Bảy mươi lăm triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn sáu trăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 31/7/2024), anh T phải tiếp tục trả tiền lãi do chậm trả tiền trên số tiền gốc chưa thanh toán với lãi suất theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Anh Đặng Anh T phải chịu 10.722.280đ (Mười triệu bảy trăm hai mươi hai nghìn hai trăm tám mươi đồng) tiền án phí DSST.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt ông Trịnh Văn N và anh Đặng Anh T. Ông N và anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thạch Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Bùi Văn Hải